

Số: 102/2026/QĐST- DS

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 334/2026/TLST – DS ngày 23 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (viết tắt là H).

Địa chỉ trụ sở: B N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu Đ – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Ngọc Đ1, chức vụ: TTXLN- H Chi nhánh Q;

- Bà Nguyễn Thị Kim N, chức vụ: chuyên viên khách hàng cá nhân - H Chi nhánh Q;

Cùng địa chỉ: số I, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

- Ông Phạm Hoàng M, chức vụ: chuyên viên XLN –Trung tâm H; địa chỉ: tầng E, số H V, phường B, TP Hà Nội.

(Theo Quyết định ủy quyền số 2288A/2025/QĐ-TGD ngày 13/05/2025 của Tổng giám đốc H và Giấy ủy quyền số 149/2026/GUQ.H ngày 10/6/2026 của Giám đốc H Chi nhánh Q);

Bị đơn: ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1962 và bà Lê Thị K, sinh năm 1963; cùng nơi thường trú: thôn D, phường L, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu L, phường L, tỉnh Quảng Ninh); cùng nơi ở hiện nay: tổ A, khu G, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc T, sinh năm 1987; nơi

thường trú: tổ A, khu G, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: tổ A, khu G, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2129/2026/CCGD ngày 30/6/2026 tại Văn phòng C1).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (H) tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5638/24MB/HĐTD ngày 15/3/2024 và Khế ước nhận nợ số 5638/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 18/3/2024, tạm tính đến ngày 30/7/2026 là 1.517.180.361 đồng (một tỷ, năm trăm mười bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng), trong đó nợ gốc là: 1.287.898.000 đồng (một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn đồng); lãi trong hạn là: 194.464.327 đồng (một trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng); lãi quá hạn là: 22.055.659 đồng (hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng); lãi chậm trả là: 12.762.375 đồng (mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2 Về thời hạn thanh toán: chậm nhất đến ngày 01/11/2026, ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên cho H.

2.3 Kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5638/24MB/HĐTD ngày 15/3/2024 và Khế ước nhận nợ số 5638/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 18/03/2024 giữa H với ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K.

2.4 Trường hợp ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5638/24MB/HĐBĐ ngày 15/3/2024 giữa H với ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K để thu hồi nợ.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng diện tích 168,2 m² đất thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 25, tại khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ B, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh). Đất đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 545647, số vào sổ cấp GCN: CH84592 ngày 02/02/2024 cho ông Nguyễn Cao C, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K ngày 14/3/2024.

(Hiện trạng thửa đất được xác định tại sơ đồ hiện trạng thẩm định thửa đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K vẫn phải liên đới trả hết khoản nợ cho H.

2.5 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: H đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.6 Về án phí: ông Trần Văn Đ2 và bà Lê Thị K tự nguyện liên đới chịu 28.756.795 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.382.713 đồng (hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm mười ba đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0002629 ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I- Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, Lưu VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Bích